TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TỊNH BIÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26-4-2024
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Võ Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Thị Mai; ông Nguyễn Lâm Tới.

Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Cẩm Tiên, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: bà Bùi Thị Kim Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 29/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024 về "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn và nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Kim H, sinh năm 1984; nơi cư trú: tổ A, ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Ông Lê Quang M, sinh năm 1984; nơi cư trú: tổ A, ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang.

Nguyên đơn bà Lê Kim H, có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Lê Quang M, vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ghi ngày 20/02/2024 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Lê Kim H trình bày*:

Bà và ông Lê Quang M tự tìm hiểu, quen biết nhau sau đó tổ chức lễ cưới chung sống với nhau từ năm 2006, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T (nay là thị xã T), tỉnh An Giang. Thời gian chung sống thường xảy ra mâu thuẫn, không cùng quan điểm. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông M.

Về con chung: có 02 con chung tên Lê Thị T, sinh ngày 26/6/2007 và Lê Ngọc N, sinh ngày 06/01/2017. Bà H yêu cầu được quyền nuôi 02 con chung và không yêu cầu ông M phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bị đơn ông Lê Quang M đều vắng mặt, không có ý kiến trình bày.* Tòa án đã tống đạt hợp lệ; niêm yết các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý, Thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt, do đó Toà án không tiến hành được việc mở phiên họp kiểm tra tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định.

** Ý kiến của cháu Lê Thị T và Lê Ngọc N*: Hiện nay các cháu đang sống với mẹ, nếu cha mẹ ly hôn thì có nguyện cọng được sống với mẹ là Lê Kim H.

** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn cơ bản đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: bà H và ông M có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Thấy rằng, cả hai không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn, điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng là trầm trọng. Vì vậy, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần xem xét giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung tên Lê Thị T, sinh ngày 26/6/2007 và Lê Ngọc N, sinh ngày 06/01/2017, hiện nay con chung do bà H nuôi dưỡng, các cháu T và N đều có nguyện vọng được sống cùng với mẹ. Do đó tiếp tục giao cho bà H quyền nuôi dưỡng con chung là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: bà H không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Lê Kim H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Lê Quang M; bị đơn có nơi cư trú tại ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (viết tắt BLTTDS).

- Về sự vắng mặt của đương sự: bị đơn ông Lê Quang M vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: bà Lê Kim H và ông Lê Quang M có tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ năm 2006, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 24/2006 ngày 27/7/2006 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T (nay là thị xã T), tỉnh An Giang nên được xem là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Xét, vợ chồng phải thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, nhưng trong suốt thời gian dài vẫn không tạo điều kiện để hàn gắn, không còn quan tâm nhau. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn gia đình đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nguyên đơn khởi kiện ly hôn với bị đơn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: có 02 con chung tên Lê Thị T, sinh ngày 26/6/2007 và Lê Ngọc N, sinh ngày 06/01/2017.

Xét thấy, hiện nay các cháu T và Như do bà H nuôi dưỡng, đều có nguyện vọng được sống với mẹ, do đó tiếp tục giao con chung cho bà H nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết, bà Lê Kim H không có yêu cầu nên không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án.

[2.5] Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo luật định; Bị đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điều 147, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Kim H;

[1] Về quan hệ hôn nhân: bà Lê Kim H được ly hôn ông Lê Quang M.

[2] Về nuôi con chung:

2.1. Giao các cháu Lê Thị T, sinh ngày 26/6/2007 và Lê Ngọc N, sinh ngày 06/01/2017 cho bà Lê Kim H trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ông Lê Quang M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Lê Kim H cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Lê Quang M quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về án phí: bà Lê Kim H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0010698 ngày 20/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tịnh Biên, bà H đã nộp xong.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo vắng mặt trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tx. Tịnh Biên (1);
- Chi cục THADS tx. Tịnh Biên (1);
- Các đương sự (2);
- UBND xã Tân Lập (1);
- Lưu HS + VP (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Ngọc Mỹ